TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2020
"V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Nguyễn Quang Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hường – Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Hùng – c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/QĐXXST-DS, ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Th. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Nông

- *Bị đơn*: Anh Trần Văn D. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện K, tỉnh Đăk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 04/02/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị Nguyễn Thị Th kết hôn với anh Trần Văn D năm 2009 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không bị ai ép buộc gì. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã mâu thuẫn xảy ra trầm trọng cuộc sống hôn nhân không đạt được. Chị Th, anh D không sống chung cách đây khoảng 02 năm. Nay, chị Th không còn tình cảm với anh D. Vì vậy, chị Th làm đơn khởi kiện ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị Th, anh D có hai con chung là cháu Trần Thị Yến D, sinh ngày 13/3/2011 và cháu Trần Yến Th, sinh ngày 21/4/2013. Chị Th có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh D đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Trong quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Trần Văn D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh D công nhận nội dung kết hôn với chị Nguyễn Thị Th là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng bình thường, đôi lúc vì kinh tế gia đình khó khăn nên cũng có mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng dẫn đến việc ly hôn. Vì vậy anh D mong muốn được đoàn tụ gia đình, không đồng ý ly hôn với chị Th.

- Về con chung: trong quá trình chung sống anh D, chị Th có hai con chung là: Cháu Trần Thị Yến D, sinh ngày 13/3/2011 và cháu Trần Yến Th, sinh ngày 21/4/2013. Trường hợp chị Th cương quyết ly hôn với anh D thì anh có nguyện vọng nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh D không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chị Nguyễn Thị Th ly hôn anh Trần Văn D.

Về con chung: Giao con Trần Thị Yến D, sinh ngày 13/3/2011 và cháu Trần Yến Th, sinh ngày 21/4/2013 cho chị Nguyễn Thị Th trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn D và giải quyết về con chung. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Tràn Văn D có nơi cư trú tại thôn X, xã D, huyện K. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Đăk Drô, huyện Krông Nô,

tỉnh Đăk Nông. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo điều 8, điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th: Năm 2009 chị Th, anh D kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc do không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải dựa trên tình cảm, tình yêu thương từ cả hai phía vợ, chồng; dựa trên sự bình đẳng, tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của nhau. Chị Th không còn tình cảm với anh D, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại biên bản xác minh ngày 02/6/2020 Ban tự quản thôn X, xã D nơi chị Th, anh D sinh sống cho biết: Mâu thuẫn vợ chồng của chị Th, anh D ban tự quản thôn có hòa giải 02 lần, sau khi hòa giải chị Th, anh D về sống chung nhưng hiện nay chị Th, anh D không còn sống chung.

Tại điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".

Như vậy, xét yêu cầu khởi kiện của chị Th và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đối với nội dung vụ án là có căn cứ, đúng pháp luật. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 và những căn cứ trên để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Th.

[3.2]. *Về nuôi con chung:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D thừa nhận có 02 con chung là cháu Trần Thị Yến D, sinh ngày 13/3/2011 và cháu Trần Yến Th, sinh ngày 21/4/2013, do chị Th, anh D không thỏa thuận được vấn đề nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Theo quy định tại: Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân & gia đình thì "*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...*" cháu Trần Thị Yến D, sinh ngày 13/3/2011 và cháu Trần Yến Th, sinh ngày 21/4/2013 thuộc trường hợp từ đủ 07 tuổi trở lên nên Tòa án đã xem xét nguyện vọng của 02 con chung, tiến hành lấy lời khai các cháu D và Th thì các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là chị Nguyễn Thị Th, đồng thời chị Th cũng có nguyện vọng nuôi 02 con chung, thực tế hiện nay hai cháu D, Th đang sống cùng chị Th ổn định. Bản thân chị Th có công ăn việc làm ổn định tháng thu nhập 12.000.000 đồng (có hợp đồng lao động) đủ trang trải cuộc sống cho chị Th và các con. Đối với anh D hiện nay làm nghề thợ xây thu nhập hàng tháng 6.000.000 đồng chỉ đủ sinh hoạt phí cho cá nhân, không dư để nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần giao cháu D, cháu Th cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3]. *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí theo quy định

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th.

*** Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trần Văn D.

*** Về nuôi con chung:** Giao con Trần Thị Yến D, sinh ngày 13/3/2011 và cháu Trần Yến Th, sinh ngày 21/4/2013 cho chị Nguyễn Thị Th trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Th, anh D có các quyền, nghĩa vụ theo các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình như sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.
- Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.
- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.
- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

*** Về chia tài sản chung, nợ chung:** Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*** Về án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị Th phải nộp số tiền 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002889, ngày 25 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

*** Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã Đăk Drô;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Tím